

Số: 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2015

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư liên tịch quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư liên tịch này quy định về mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương theo chức danh nghề nghiệp đối với viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường.

2. Thông tư liên tịch này áp dụng đối với viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 2. Mã số và phân hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường

- | | |
|--|-------------------|
| 1. Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II | Mã số: V.06.05.13 |
| 2. Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III | Mã số: V.06.05.14 |
| 3. Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV | Mã số: V.06.05.15 |

Điều 3. Tiêu chuẩn chung về đạo đức nghề nghiệp của viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường

1. Có tinh thần trách nhiệm cao với công việc được giao, luôn tuân thủ pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của người viên chức trong hoạt động nghề nghiệp.

2. Có tinh thần cầu thị, hợp tác và không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, tích cực nghiên cứu và chủ động áp dụng các thành tựu khoa học trong công tác quan trắc tài nguyên môi trường; tâm huyết với công việc.

3. Không lợi dụng chức danh, quyền hạn để hoạt động xâm hại đến quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia; không mưu cầu lợi ích cá nhân; giữ gìn bí mật quốc gia trong phạm vi chuyên môn của mình.

4. Có lối sống lành mạnh, gương mẫu; không quan liêu, tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và tích cực đấu tranh với những hành vi tiêu cực.

5. Trung thực, đoàn kết, khách quan, khiêm tốn và không sách nhiễu, gây cản trở khi thực hiện nhiệm vụ có liên quan đến quyền và lợi ích của công dân.

Chương II TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 4. Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II - Mã số: V.06.05.13

1. Nhiệm vụ:

a) Chủ trì thực hiện các ca hoặc chương trình quan trắc theo đúng quy chuẩn kỹ thuật;

b) Chủ trì và tổ chức thực hiện các đề án, chương trình quan trắc; lập tiến độ kế hoạch chi tiết triển khai chương trình;

c) Hướng dẫn, đào tạo cho viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường ở hạng thấp hơn trong xây dựng, báo cáo và triển khai thực hiện quan trắc theo đúng quy chuẩn kỹ thuật;

d) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đề án, chương trình quan trắc cấp bộ, ngành;

đ) Chủ trì hoặc trực tiếp lập các báo cáo quan trắc; xây dựng đề tài, dự án về quan trắc tài nguyên môi trường có tính chất phức tạp;

e) Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường ở hạng thấp hơn trong việc triển khai thực hiện quan trắc;

g) Chủ trì hoặc tham gia biên soạn tài liệu và đào tạo, bồi dưỡng cho viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường từ hạng tương đương trở xuống.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành khí tượng, thủy văn, hải văn, hải dương, môi trường, tài nguyên nước, biến đổi khí hậu hoặc chuyên ngành khác có liên quan; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải hoàn thành

chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành do cơ quan quản lý viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường quy định;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT);

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT);

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Có kỹ năng chuyên sâu trong hoạt động quan trắc;

b) Nắm vững các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật trong quan trắc và kỹ thuật sử dụng trang thiết bị quan trắc, an toàn lao động;

c) Có khả năng tổ chức, quản lý kỹ thuật, triển khai chương trình quan trắc và lập báo cáo quan trắc thành phần tài nguyên và môi trường;

d) Có khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các điều kiện tự nhiên, xã hội ảnh hưởng đến hoạt động quan trắc tài nguyên môi trường;

đ) Có khả năng nghiên cứu, ứng dụng thông tin khoa học, kỹ thuật, công nghệ về quan trắc trong nước và quốc tế;

e) Tham gia ít nhất 01 (một) đề án, dự án, đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp bộ trở lên hoặc chủ trì 01 (một) đề án, dự án, đề tài, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được nghiệm thu ở mức đạt trở lên.

4. Việc thăng hạng chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II:

Viên chức thăng hạng từ chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III lên chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II phải có thời gian công tác giữ chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III hoặc tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III từ đủ 02 (hai) năm trở lên.

Điều 5. Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III - Mã số: V.06.05.14

1. Nhiệm vụ:

a) Thực hiện chương trình quan trắc theo quy định; tham gia xây dựng, lập kế hoạch các chương trình quan trắc;

b) Hướng dẫn, tham gia hoặc trực tiếp đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường từ hạng tương đương trở xuống trong hoạt động quan trắc theo quy định;

c) Lập các báo cáo quan trắc; tham gia xây dựng đề tài, dự án về quan trắc tài nguyên môi trường;

d) Tham gia hướng dẫn, kiểm tra kỹ thuật quan trắc trong hoạt động quan trắc; sử dụng trang thiết bị theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành khí tượng, thủy văn, hải văn, hải dương, môi trường, tài nguyên nước, biến đổi khí hậu hoặc chuyên ngành khác có liên quan; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành do cơ quan quản lý viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường quy định;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 2 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT;

d) Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Thành thạo trong hoạt động quan trắc; lập được báo cáo quan trắc thành phần tài nguyên môi trường;

b) Nắm vững các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật trong quan trắc và kỹ thuật sử dụng trang thiết bị quan trắc, an toàn lao động;

c) Nắm được điều kiện tự nhiên, xã hội, đặc điểm tài nguyên và môi trường, thông tin khoa học, kỹ thuật, công nghệ về quan trắc trong và ngoài nước.

4. Việc thăng hạng chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III:

Viên chức thăng hạng từ chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV lên chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III phải có thời gian công tác giữ chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV như sau:

a) Đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ cao đẳng trở lên phải có thời gian công tác giữ chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV tối thiểu đủ 02 (hai) năm;

b) Đối với trường hợp khi tuyển dụng lần đầu có trình độ trung cấp phải có thời gian công tác giữ chức danh quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV tối thiểu đủ 03 (ba) năm.

Điều 6. Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng IV - Mã số: V.06.05.15

1. Nhiệm vụ:

a) Thực hiện quan trắc, tính toán, chỉnh biên số liệu, lập báo biểu và phát báo theo quy định;

- b) Lấy mẫu quan trắc, bảo quản mẫu theo đúng quy chuẩn kỹ thuật;
 - c) Lập các báo cáo quan trắc, bàn giao mẫu và ghi các biên bản bàn giao mẫu, theo đúng hướng dẫn, quy chuẩn kỹ thuật trong quan trắc;
 - d) Sử dụng, bảo quản trang thiết bị theo đúng hướng dẫn sử dụng;
 - đ) Thực hiện an toàn lao động theo quy định.
2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc các chuyên ngành khí tượng, thủy văn, hải văn, hải dương, môi trường, tài nguyên nước, biến đổi khí hậu hoặc chuyên ngành khác có liên quan; nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành do cơ quan quản lý viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường quy định;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- a) Có kiến thức đại cương về chuyên môn được phân công quan trắc;
- b) Có kỹ năng thành thạo của ít nhất một công tác quan trắc trong các công tác quan trắc: khí tượng, thủy văn, hải văn, tài nguyên nước, môi trường;
- c) Nắm vững quy chuẩn kỹ thuật quan trắc tài nguyên môi trường;
- d) Sử dụng thành thạo máy móc, thiết bị, phương tiện trong công tác chuyên môn.

Chương III

BỔ NHIỆM VÀ XẾP LƯƠNG THEO CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP

Điều 7. Nguyên tắc bổ nhiệm và xếp lương theo chức danh nghề nghiệp

1. Việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường phải căn cứ vào vị trí việc làm; tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng; năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và nhiệm vụ viên chức đang đảm nhận.

2. Viên chức được bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp và xếp lương phải bảo đảm đủ tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường theo quy định tại Chương I và Chương II của Thông tư liên tịch này.

3. Khi bổ nhiệm từ ngạch viên chức hiện giữ vào chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường tương ứng không được kết hợp nâng bậc lương và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.